

**CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI HẢI HƯỜNG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI HẢI HƯỜNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HAI HUONG TRADING AND PRODUCTION COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HAI HUONG TRAPRO CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110754218

**3. Ngày thành lập:** 17/06/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 3 ngách 3 ngõ 36 đường Thúy Lai, Xã Phú Kim, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0973903006

Fax:

Email: cty.haihuong8788@gmail.com Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                      | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Sản xuất sợi                                                   | 1311        |
| 2.  | Sản xuất vải dệt thoi                                          | 1312        |
| 3.  | Hoàn thiện sản phẩm dệt                                        | 1313        |
| 4.  | Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác        | 1391        |
| 5.  | Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)                         | 1392        |
| 6.  | Sản xuất thảm, chăn, đệm                                       | 1393        |
| 7.  | Sản xuất các loại dây bện và lưới                              | 1394        |
| 8.  | Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu         | 1399        |
| 9.  | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                 | 1410        |
| 10. | Sản xuất sản phẩm từ da lông thú                               | 1420        |
| 11. | Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc                           | 1430        |
| 12. | Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm | 1512(Chính) |
| 13. | Sản xuất giày, dép                                             | 1520        |
| 14. | In ấn<br>(trừ loại hình nhà nước cấm)                          | 1811        |
| 15. | Dịch vụ liên quan đến in                                       | 1812        |
| 16. | Xây dựng nhà để ở                                              | 4101        |
| 17. | Xây dựng nhà không để ở                                        | 4102        |
| 18. | Xây dựng công trình đường bộ                                   | 4212        |
| 19. | Xây dựng công trình điện                                       | 4221        |
| 20. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                            | 4222        |
| 21. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc             | 4223        |

|     |                                                                                                                                                                                                                        |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 22. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                      | 4229 |
| 23. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                               | 4291 |
| 24. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                                                                        | 4292 |
| 25. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                                                                  | 4293 |
| 26. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                             | 4299 |
| 27. | Phá dỡ<br>(không gồm dịch vụ nổ mìn; hoạt động rà phá bom, mìn)                                                                                                                                                        | 4311 |
| 28. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(Không bao gồm dò mìn, nổ mìn và hoạt động khác tương tự tại mặt bằng xây dựng)                                                                                                                   | 4312 |
| 29. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                  | 4322 |
| 30. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                         | 4329 |
| 31. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                         | 4330 |
| 32. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                    | 4390 |
| 33. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>(trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                         | 4511 |
| 34. | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)<br>(trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                 | 4512 |
| 35. | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác<br>(trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                           | 4513 |
| 36. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>(trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                          | 4530 |
| 37. | Bán mô tô, xe máy<br>(trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                           | 4541 |
| 38. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy<br>(trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                       | 4543 |
| 39. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>Đại lý bán hàng hóa<br>Môi giới mua bán hàng hóa<br>(không bao gồm đấu giá, môi giới chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài) | 4610 |
| 40. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>(trừ loại nhà nước cấm)                                                                                                                      | 4620 |
| 41. | Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì                                                                                                                                                                         | 4631 |
| 42. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                     | 4632 |
| 43. | Bán buôn đồ uống<br>(Doanh nghiệp chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)                                                                                                                       | 4633 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 44. | <p>Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép</p> <p>Chi tiết:</p> <p>Bán buôn vải dệt thoi, dệt kim đan móc, các loại vải dệt đặc biệt khác</p> <p>Bán buôn thảm treo tường, thảm trải sàn;</p> <p>Bán buôn chăn, màn, đệm rèm, ga trải giường, gối và bộ đồ giường khác;</p> <p>Bán buôn chỉ khâu, chỉ thêu và hàng dệt khác.</p> <p>Bán buôn quần áo, kể cả quần áo thể thao, cho đàn ông và trẻ em trai;</p> <p>Bán buôn quần áo, kể cả quần áo thể thao, cho phụ nữ và trẻ em gái;</p> <p>Bán buôn đồ phụ kiện may mặc như: Khăn quàng cổ, găng tay, tất, cravat...;</p> <p>Bán buôn hàng may mặc bằng da lông, da và giả da</p> <p>Bán buôn giày dép bằng mọi chất liệu</p> | 4641 |
| 45. | <p>Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình</p> <p>Chi tiết:</p> <p>Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác</p> <p>Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh</p> <p>Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh</p> <p>Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện</p> <p>Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự</p> <p>Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm</p> <p>Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao</p> <p>(Trừ Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế)</p>                                                                                                                                                                                 | 4649 |
| 46. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4651 |
| 47. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông<br>(trừ thiết bị thu phát sóng)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4652 |
| 48. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4653 |
| 49. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4659 |
| 50. | <p>Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết:</p> <p>Bán buôn tơ, xơ dệt;</p> <p>Bán buôn sợi dệt đã xe.</p> <p>Bán buôn phụ liệu may mặc: mex dựng, độn vai, canh tóc, khoá kéo...;</p> <p>Bán buôn phụ liệu giày dép: mũ giày, lót giày, đế giày, đinh bấm...</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4669 |
| 51. | <p>Bán buôn tổng hợp</p> <p>(trừ loại nhà nước cấm)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4690 |
| 52. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4751 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 53. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4753 |
| 54. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ nhạc cụ trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ đồ dùng gia đình khác còn lại chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |
| 55. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4761 |
| 56. | Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4762 |
| 57. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ thiết bị, đồ dùng, dụng cụ thể dục, thể thao, câu cá và thiết bị câu cá, đồ dùng cắm trại, thuyền và xe đạp thể thao.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4763 |
| 58. | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4764 |
| 59. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ hàng may mặc;<br>- Bán lẻ hàng lông thú;<br>- Bán lẻ phụ kiện may mặc khác như găng tay, khăn, nút thắt, cà vạt, dây đeo quần...<br>- Bán lẻ giày, kể cả giày thể thao, guốc, dép bằng mọi loại chất liệu.<br>- Bán lẻ cặp học sinh, cặp đựng tài liệu, túi xách các loại, ví... bằng da, giả da hoặc chất liệu khác;<br>- Bán lẻ ba lô, vali, hàng du lịch bằng da, giả da và chất liệu khác;<br>- Bán lẻ hàng da và giả da khác.                                                        | 4771 |
| 60. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ bán lẻ vàng miếng, súng, đạn, tem và tiền kim khí)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4773 |
| 61. | Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4774 |
| 62. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4782 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 63. | Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4785 |
| 64. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>(trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4789 |
| 65. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                       | 4791 |
| 66. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>(trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4799 |
| 67. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định.<br>- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt theo tuyến cố định<br>- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi<br>- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng<br>- Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô | 4932 |
| 68. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết:<br>Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                                                                                                                                                                                  | 4933 |
| 69. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>(trừ kinh doanh bất động sản)                                                                                                                                                                                                                                                                             | 5210 |
| 70. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 5224 |
| 71. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 5225 |
| 72. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>(trừ tổ chức các hoạt động vận tải đường hàng không và hoa tiêu)                                                                                                                                                                                                                  | 5229 |
| 73. | Quảng cáo<br>(không bao gồm quảng cáo thuốc lá);                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 7310 |
| 74. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận<br>(không bao gồm hoạt động điều tra thu thập ý kiến về các sự kiện chính trị)                                                                                                                                                                                                                  | 7320 |
| 75. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giấy, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác;                                                                                                                | 7410 |
| 76. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(không bao gồm tổ chức hợp báo)                                                                                                                                                                                                                                                             | 8230 |
| 77. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa<br>(Loại trừ Dịch vụ lấy lại tài sản)                                                                                                                                                                                 | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 9.000.000.000 VNĐ

Thời gian đăng từ ngày 18/06/2024 đến ngày 18/07/2024

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: NGUYỄN XUÂN HẢI

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: 22/08/1987

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001087001984

Ngày cấp: 31/12/2021

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Thôn Thúy Lai, Xã Phú Kim, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn Thúy Lai, Xã Phú Kim, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN XUÂN HẢI

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 22/08/1987

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001087001984

Ngày cấp: 31/12/2021

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Thôn Thúy Lai, Xã Phú Kim, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn Thúy Lai, Xã Phú Kim, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội